

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
HẠ TẦNG VINH PHÚC**

Số: 2810-3/15/CBTT-IDV

V/v: CBTT BCTC hợp nhất năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2015

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
2. Mã chứng khoán: IDV
3. Địa chỉ: KCN Khai Quang, Phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
4. Điện thoại: 0211 372 0945 Fax: 0211 384 5944
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Duy Trung – Thư ký HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
6. Nội dung thông tin công bố:
  - 6.1 Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc công bố thông tin về báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty năm tài chính 2015.
  - 6.2 Giải trình về báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm tài chính 2015.
7. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại địa chỉ: [www.vpid.vn](http://www.vpid.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là hoàn toàn đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. CÔNG TY  
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**NGUYỄN DUY TRUNG**

Số: 113/15/VPID

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015

V/v Giải trình báo cáo tài chính hợp nhất  
năm 2015 đã được kiểm toán

Kính gửi:

**Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (mã chứng khoán IDV) đã kết thúc năm tài chính 2015 vào ngày 30/9/2015.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán của công ty, tại trang 5 vấn đề cần nhấn mạnh có nêu:

”Nhu đã trình bày ở thuyết minh số 12 - phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01/10 và kết thúc vào 30/09 năm sau, năm tài chính này không trùng với năm tài chính của các Công ty liên doanh liên kết mà Công ty đầu tư (được kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm). Vì vậy, việc thu thập số liệu trong báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết này trong giai đoạn từ 01/10/2014 đến 30/09/2015 nhằm phục vụ cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty gặp khó khăn. Do đó, khoản đầu tư vào các Công ty này được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu”.

Công ty chúng tôi xin được giải trình như sau: Các công ty liên kết, liên doanh mà công ty chúng tôi đã đầu tư vào đến nay phần lớn vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa có nguồn thu về; tại thời điểm công ty lập báo cáo tài chính năm 2015 thì vẫn chưa thu thập được báo cáo tài chính tại 30/9/2015 của các công ty này nên công ty chúng tôi phải hoạch toán các khoản đầu tư vào các công ty này theo phương pháp giá gốc và cam kết sẽ không ảnh hưởng đến tính chính xác của các số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Vậy Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc trân trọng giải trình để các Quý cơ quan và cổ đông được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHÙNG VĂN QUÝ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30/09/2015**

---

*Tháng 10 năm 2015*

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vinh Phúc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị:

Ông Trịnh Việt Dũng	Chủ tịch	
Ông Văn Phụng Hà	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/01/2015
Ông Cao Đình Thi	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 15/01/2015
Ông Phùng Văn Quý	Thành viên	
Ông Lê Tùng Sơn	Thành viên	
Ông Phạm Hữu Ái	Thành viên	

#### Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Ngọc Lan	Trưởng ban
Ông Phan Văn Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Tùng	Thành viên

#### Ban Giám đốc:

Ông Phùng Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Cao Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc

#### Kế toán trưởng:

Bà Nguyễn Thị Hoàn

### SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 của Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,**



---

**Phùng Văn Quý**

**Tổng Giám đốc**

Vinh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/10/2015, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/09/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc tại ngày 30/09/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày ở thuyết minh số 12 - phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01/10 và kết thúc vào 30/09 năm sau, năm tài chính này không trùng với năm tài chính của các Công ty liên doanh liên kết mà Công ty đầu tư (được kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm). Vì vậy, việc thu thập số liệu trong báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết này trong giai đoạn từ 01/10/2014 đến 30/09/2015 nhằm phục vụ cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty gặp khó khăn. Do đó, khoản đầu tư vào các Công ty này được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

0798-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA (UHY ACA LTD)**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2015*

**Hà Minh Long**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

1221-2014-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/09/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015 VND	01/10/2014 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>326.705.877.773</b>	<b>275.958.904.308</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>15.854.241.538</b>	<b>16.607.350.089</b>
1. Tiền	111		729.241.538	957.350.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.125.000.000	15.650.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>189.404.672.436</b>	<b>149.360.078.321</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		189.496.055.321	149.360.078.321
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(91.382.885)	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>59.896.901.924</b>	<b>56.311.763.473</b>
1. Phải thu khách hàng	131		7.384.734.527	11.718.739.475
2. Trả trước cho người bán	132		2.408.197.225	1.714.050.000
5. Các khoản phải thu khác	135	6	50.776.210.862	44.909.405.266
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(672.240.690)	(2.030.431.268)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>59.362.076.570</b>	<b>51.020.165.754</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	59.362.076.570	51.020.165.754
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.187.985.305</b>	<b>2.659.546.671</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.104.483	17.018.425
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.052.532.101	2.562.410.012
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.280.811	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	121.067.910	80.118.234
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>177.293.702.281</b>	<b>141.404.404.541</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>74.485.178.369</b>	<b>61.893.523.049</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	34.512.530.946	31.811.901.339
- Nguyên giá	222		46.122.794.405	40.985.472.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.610.263.459)	(9.173.571.236)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	39.972.647.423	30.081.621.710
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>51.051.682.931</b>	<b>41.059.846.356</b>
- Nguyên giá	241		80.729.948.578	67.010.012.386
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(29.678.265.647)	(25.950.166.030)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>49.045.975.560</b>	<b>35.417.975.560</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	24.300.000.000	24.300.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	24.745.975.560	11.117.975.560
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.710.865.421</b>	<b>3.033.059.576</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		534.865.421	1.453.059.576
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	2.176.000.000	1.580.000.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>503.999.580.054</b>	<b>417.363.308.849</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 30/09/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/10/2014
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>386.115.519.592</b>	<b>331.484.253.225</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.567.711.175</b>	<b>14.780.438.266</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.644.000.000	1.644.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.417.747.132	7.203.297.310
3. Người mua trả tiền trước	313		905.481.408	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.395.002.761	1.728.544.710
5. Phải trả người lao động	315		19.890.780	339.154.796
6. Chi phí phải trả	316		2.572.326	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	6.513.065.155	715.120.871
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.669.951.613	3.150.320.579
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>367.547.808.417</b>	<b>316.703.814.959</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	18	17.632.933.240	11.575.072.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	1.954.000.000	3.598.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	19	347.960.875.177	301.530.742.959
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>117.884.060.462</b>	<b>85.879.055.624</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>117.884.060.462</b>	<b>85.879.055.624</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		77.257.300.000	50.994.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		349.075.000	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(10.606.685.435)	(10.675.305.435)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.315.178.430	7.330.865.863
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.770.090.804	3.642.874.667
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.799.101.663	34.585.690.529
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>503.999.580.054</b>	<b>417.363.308.849</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/09/2015

	30/09/2015	01/10/2014
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.402.351.215	1.402.351.215

Ngoại tệ các loại

- Đô la Mỹ (USD)

121,92

135,77



**Phùng Văn Quý**  
**Tổng Giám đốc**

Vinh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015

**Nguyễn Thị Hoàn**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Hoàn**  
**Người lập biểu**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	63.706.304.553	66.094.359.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>63.706.304.553</b>	<b>66.094.359.522</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	22	18.068.604.211	18.651.087.331
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>45.637.700.342</b>	<b>47.443.272.191</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	12.692.198.067	15.600.460.881
7. Chi phí tài chính	22	24	461.463.363	1.779.311.021
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	249.777.000	406.014.111
Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.179.268.280	10.221.396.399
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>49.689.166.766</b>	<b>51.043.025.652</b>
11. Thu nhập khác	31	25	5.257.389.144	1.664.839.554
12. Chi phí khác	32	26	1.899.560.465	514.176.087
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.357.828.679</b>	<b>1.150.663.467</b>
<b>14. Lợi nhuận/lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>53.046.995.445</b>	<b>52.193.689.119</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.993.828.558	4.198.896.918
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>27</b>	<b>48.053.166.887</b>	<b>47.994.792.201</b>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>		61	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>		62	48.053.166.887	47.994.792.201
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>28</b>	<b>6.779</b>	<b>6.987</b>



**Phùng Văn Quý**  
**Tổng Giám đốc**

Vinh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015

**Nguyễn Thị Hoàn**  
**Kê toán trưởng**

**Nguyễn Thị Hoàn**  
**Người lập biểu**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh	01	154.182.677.305	125.071.408.490
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch	02	(54.905.296.417)	(12.047.119.440)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.033.494.181)	(4.758.049.368)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(249.777.000)	(343.608.556)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(5.319.127.426)	(2.921.577.745)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.066.325.820	33.379.894.553
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(37.815.394.656)	(7.298.508.874)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>64.925.913.445</b>	<b>131.082.439.060</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(10.830.737.980)	(44.591.764.575)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.088.176.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(253.922.675.260)	(248.418.143.224)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	212.291.220.000	171.625.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.128.000.000)	(39.117.888.693)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	38.407.828.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.988.366.127	12.178.272.542
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(55.513.650.749)</b>	<b>(109.916.695.950)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	469.905.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(510.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	700.000.000	6.250.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.344.000.000)	(7.894.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.990.934.800)	(14.255.980.540)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.165.539.800)</b>	<b>(15.899.980.540)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(753.277.104)</b>	<b>5.265.762.570</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>16.607.350.089</b>	<b>11.341.601.502</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại 1	61	168.553	(13.983)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 4</b>	<b>15.854.241.538</b>	<b>16.607.350.089</b>



Phùng Văn Quý  
Tổng Giám đốc

Vinh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015

Nguyễn Thị Hoàn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoàn  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1903000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 16/06/2003, thay đổi lần thứ mười sáu (16) ngày 24/06/2015 với tổng số vốn điều lệ là 77.257.300.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Khu Công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là IDV.

Hiện nay, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Phùng Văn Quý - Tổng Giám đốc Công ty.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ, môi giới thương mại;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch, kinh doanh lữ hành nội địa;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông, đại lý bán vé máy bay, đại lý bảo hiểm, đại lý dịch vụ điện nước, đại lý bán lẻ xăng dầu và các chế phẩm dầu mỡ;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, rượu bia, thuốc lá, nước giải khát;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ các ngành;
- Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn giám sát các công trình giao thông;
- Sản xuất và mua bán cây xanh;
- Thu gom xử lý nước thải và chất thải rắn công nghiệp.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Năm tài chính hiện hành của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10/2014 nên Công ty chưa áp dụng theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 của Công ty mẹ và các Công ty con. Các giao dịch và số dư nội bộ được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm tiếp theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015.

**2.3 CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

TT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
1	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	100%	100%
2	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nội	Tầng 4, Khu văn phòng tập golf Phương Đông, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.	100%	100%

**2.4 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁ GỐC**

TT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
1	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Phú Thành	23%	23%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Sơn Long	30%	30%
3	Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Đô thị Vĩnh Phúc	30%	30%

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 35
Máy móc thiết bị	6 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

**3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: Chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

**3.6 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích chủ yếu là cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán, được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình hình thành tài sản. Nguyên giá bất động sản tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian sử dụng ước tính từ 15 đến 20 năm.

**3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và không quá 1 năm tại các Ngân hàng thương mại và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác của Công ty. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 của Công ty theo phương pháp giá gốc do Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các đơn vị này cho kỳ tương ứng.

Công ty ghi nhận khoản đầu tư dài hạn khác theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia sau ngày phát sinh các khoản đầu tư này được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư.

**3.8 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.9 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân mua vào của các Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này sau khi bù trừ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm theo hướng dẫn của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

Đối với doanh thu từ việc cho thuê lại đất và hạ tầng tại Khu công nghiệp Khai Quang và Khu công nghiệp Châu Sơn, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bên trong hàng rào doanh nghiệp thứ cấp (gồm tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và san nền) một lần khi xuất hoá đơn theo tỷ lệ phí trong hàng rào và phí sử dụng hạ tầng ngoài hàng rào được quy định trong từng hợp đồng đã ký kết, phí sử dụng hạ tầng bên ngoài hàng rào được phân bổ đều cho toàn bộ thời gian thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)**

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Công ty liên kết mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Theo Công văn số 85/BQLKCN-QH ngày 30/01/2008 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000.003 ngày 18/07/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 22/10/2007 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp thì dự án “Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Châu Sơn, tỉnh Hà Nam”, do Công ty TNHH Một Thành viên VPID Hà Nam thực hiện được áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vinh Phúc có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2015 VND	01/10/2014 VND
Tiền mặt	50.318.732	14.089.238
Tiền gửi ngân hàng	678.922.806	943.260.851
Các khoản tương đương tiền (*)	15.125.000.000	15.650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.854.241.538</b>	<b>16.607.350.089</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/09/2015		01/10/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (1)	914.935	5.721.055.321	861.600	5.530.078.321
+ Cổ phiếu DC4	555.535	3.688.912.436	518.700	3.600.219.596
+ Cổ phiếu L43	359.400	2.032.142.885	342.900	1.929.858.725
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (2)		173.775.000.000		143.830.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Phú Thành (3)		10.000.000.000		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn		(91.382.885)		
<b>Cộng</b>		<b>189.404.672.436</b>		<b>149.360.078.321</b>

(1) Khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Lilama 45.3 L43 đã được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn là 91.382.885 đồng.

(2) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng và không quá 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

(3) Khoản cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Phú Thành vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/HĐCV ngày 08/12/2014, trong đó hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 15.000.000.000 đồng, tổng số tiền đã cho vay là 10.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	7.121.110.803	1.182.679.638
+ Chi trả trước tiền đền bù cây cối hoa màu	6.863.812.102	10.397.543.624
+ Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam (*)	36.768.102.602	33.063.414.602
+ Phải thu khác	23.185.355	265.767.402
<b>Cộng</b>	<b>50.776.210.862</b>	<b>44.909.405.266</b>

(\*) Chi phí giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Châu Sơn được Công ty ứng trước để bồi thường và hỗ trợ về đất. Số tiền này sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp Nhà nước khi Công ty bắt đầu phát sinh nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, mức trừ không vượt quá số đã ứng trước theo Công văn số 807/UBND-DN&XTĐT ngày 26/06/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam.

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	97.091.308	39.334.401
Hàng hoá bất động sản	59.264.985.262	50.980.831.353
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>59.362.076.570</b>	<b>51.020.165.754</b>

**8 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	121.067.910	80.118.234
<b>Cộng</b>	<b>121.067.910</b>	<b>80.118.234</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/10/2014	35.606.914.038	-	5.330.276.264	48.282.273	40.985.472.575
Tăng do mua mới	-	468.792.000	1.935.545.454	-	2.404.337.454
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.029.491.200	-	-	-	1.029.491.200
Tăng khác (*)	-	-	3.065.232.384	-	3.065.232.384
Thanh lý, nhượng bán	(207.307.390)	-	(1.154.431.818)	-	(1.361.739.208)
30/09/2015	<u>36.429.097.848</u>	<u>468.792.000</u>	<u>9.176.622.284</u>	<u>48.282.273</u>	<u>46.122.794.405</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
01/10/2014	7.105.361.522	-	2.064.990.898	3.218.816	9.173.571.236
Trích khấu hao trong năm	2.204.590.412	20.989.625	756.502.886	4.828.224	2.986.911.147
Thanh lý, nhượng bán	(46.644.174)	-	(503.574.750)	-	(550.218.924)
30/09/2015	<u>9.263.307.760</u>	<u>20.989.625</u>	<u>2.317.919.034</u>	<u>8.047.040</u>	<u>11.610.263.459</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/10/2014	<u>28.501.552.516</u>	-	<u>3.265.285.366</u>	<u>45.063.457</u>	<u>31.811.901.339</u>
30/09/2015	<u>27.165.790.088</u>	<u>447.802.375</u>	<u>6.858.703.250</u>	<u>40.235.233</u>	<u>34.512.530.946</u>

(\*) Tăng khác tài sản cố định trong năm là nguyên giá của ô tô Lexus biển số 88H 084.31 được biếu tặng, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long thẩm định giá trị, làm cơ sở hạch toán ghi tăng nguyên giá tài sản.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2015 là 312.163.765 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	30/09/2015 VND	01/10/2014 VND
Nhà máy xử lý nước thải Khu CN Châu Sơn	8.848.622.913	8.509.197.646
Đường giao thông Khu công nghiệp Châu Sơn	18.144.183.277	15.441.013.872
Công trình cây xanh mặt nước hành lang đường dầu	-	634.715.454
Hệ thống điện chiếu sáng KCN Châu Sơn	111.414.545	111.414.545
Hàng rào Khu công nghiệp	-	240.565.545
Hệ thống thu gom KCN Châu Sơn	4.536.288.273	2.478.174.545
Nhà sản văn phòng 2	-	479.944.770
Tuyến đường ET4 - Giai đoạn 2	22.727.273	936.351.818
Lò đốt rác	1.278.250.898	1.068.425.333
Lắp đặt công nghệ Nhà máy xử lý nước thải Khu Công nghiệp Châu Sơn	6.610.547.734	-
Các công trình khác	420.612.510	181.818.182
<b>Cộng</b>	<b>39.972.647.423</b>	<b>30.081.621.710</b>

**11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Cơ sở hạ tầng VND	GPMB, san nền VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/10/2014	41.319.428.209	25.690.584.177	67.010.012.386
Tăng do mua mới	13.719.936.192	-	13.719.936.192
30/09/2015	<b>55.039.364.401</b>	<b>25.690.584.177</b>	<b>80.729.948.578</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
01/10/2014	9.818.258.678	16.131.907.352	25.950.166.030
Trích khấu hao trong năm	1.692.648.547	2.035.451.069	3.728.099.616
30/09/2015	<b>11.510.907.226</b>	<b>18.167.358.421</b>	<b>29.678.265.647</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/10/2014	<b>31.501.169.531</b>	<b>18.167.358.421</b>	<b>41.059.846.356</b>
30/09/2015	<b>43.528.457.175</b>	<b>7.523.225.756</b>	<b>51.051.682.931</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**12 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	Tại 30/09/2015		Tại 01/10/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Phú Thành (1)	1.500.000	15.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Sơn Long (2)	150.000	7.500.000.000	150.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Đô thị Vĩnh Phúc (3)	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
<b>Cộng</b>		<b>24.300.000.000</b>		<b>24.300.000.000</b>

- (1) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Phú Thành chiếm 23,06% vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương đương;
- (2) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch Sơn Long chiếm tỷ lệ 30% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng;
- (3) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Đô thị Vĩnh Phúc chiếm tỷ lệ 30% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng;

Do năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01/10 và kết thúc vào 30/09 năm sau, năm tài chính này không trùng với năm tài chính của các Công ty liên doanh liên kết mà Công ty đầu tư (được kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm). Vì vậy, việc thu thập số liệu trong báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết này trong giai đoạn từ 01/10/2014 đến 30/09/2015 nhằm phục vụ cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty gặp khó khăn. Do đó, khoản đầu tư vào các Công ty này được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.

**13 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/09/2015		01/10/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (1)	815.900	6.517.975.560	815.900	6.517.975.560
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu (2)	1.672.800	16.728.000.000	460.000	4.600.000.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Phú Thành (3)		1.500.000.000		
<b>Cộng</b>		<b>24.745.975.560</b>		<b>11.117.975.560</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**13 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP)**

- (1) Khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18, tỷ lệ sở hữu tương ứng là 15,11%.
- (2) Trong năm, Công ty đã mua thêm một phần vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu với số tiền 12.128.000.000 đồng tương ứng với 5,7 % trên vốn điều lệ của Công ty này. Do đó, đến thời điểm 30/09/2015, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu đang chiếm tỷ lệ 12,08% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng.
- (3) Khoản cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Phú Thành vay theo Hợp đồng tín dụng số 3006/2015/HĐVV ngày 30/06/2015, số tiền cho vay là 1.500.000.000 kỳ hạn 5 năm, lãi suất 5%/năm.

**14 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	30/09/2015	01/10/2014
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.176.000.000	1.580.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.176.000.000</b>	<b>1.580.000.000</b>

**15 VAY, NỢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

	30/09/2015	01/10/2014
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	1.644.000.000	1.644.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả (*)	1.644.000.000	1.644.000.000
Vay và nợ dài hạn (*)	1.954.000.000	3.598.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.598.000.000</b>	<b>5.242.000.000</b>

(\*) Khoản vay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo Hợp đồng số 11-10/TD-QMT/KQ ngày 18/08/2010, tổng số tiền cho vay là 13 tỷ đồng, thời hạn 84 tháng, lãi suất 5,4%/năm. Số dư khoản vay đến hạn phải trả là 1.644.000.000 đồng đang được Công ty phản ánh trên khoản mục "Vay và nợ ngắn hạn". Số còn phải trả trong các năm tiếp theo là 1.954.000.000 đồng đang được phản ánh trên khoản mục "Vay và nợ dài hạn" tại ngày 30/09/2015.

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/09/2015	01/10/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.856.763	15.153.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.376.887.228	1.702.186.096
Thuế thu nhập cá nhân	10.258.770	11.204.686
<b>Cộng</b>	<b>1.395.002.761</b>	<b>1.728.544.710</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**17 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	23.277.590	8.677.190
Bảo hiểm xã hội	1.812.282	3.951.206
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.487.975.283	702.492.475
+ Phải trả UBND tỉnh Vĩnh Phúc tiền san nền	414.640.008	414.640.008
+ Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Đô thị Vĩnh Phúc	5.587.605.741	-
+ Nhận tiền đặt cọc	50.000.000	-
+ Các khoản khác	435.729.534	287.852.467
<b>Cộng</b>	<b>6.513.065.155</b>	<b>715.120.871</b>

**18 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	17.632.933.240	11.575.072.000
<b>Cộng</b>	<b>17.632.933.240</b>	<b>11.575.072.000</b>

(\*) Khoản nhận tiền đặt cọc thuê đất dài hạn của khách hàng theo các hợp đồng cho thuê đất.

**19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Là các khoản thu chi phí san nền, phí sử dụng hạ tầng mà các bên đi thuê trả trước cho nhiều năm.

**20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

STT	Cổ đông	30/09/2015			01/10/2014		
		Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
1	Trịnh Việt Dũng	971.115	9.711.150.000	12,57%	647.410	6.474.100.000	12,70%
2	Văn Phụng Hà	900.189	9.001.890.000	11,65%	698.926	6.989.260.000	13,71%
3	Phạm Hữu Ái	282.442	2.824.420.000	3,66%	188.295	1.882.950.000	3,69%
4	Phùng Văn Quý	260.491	2.604.910.000	3,37%	155.967	1.559.670.000	3,06%
5	Lê Tùng Sơn	281.758	2.817.580.000	3,65%	187.839	1.878.390.000	3,68%
6	Các cổ đông khác	5.029.735	50.297.350.000	65,10%	3.221.056	32.210.560.000	63,16%
	<b>Cộng</b>	<b>7.725.730</b>	<b>77.257.300.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>5.099.493</b>	<b>50.994.930.000</b>	<b>100,00%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	50.994.930.000	44.343.520.000
+ Vốn góp tăng trong năm	26.262.370.000	6.651.410.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	77.257.300.000	50.994.930.000

**20.3 Cổ phiếu**

	30/09/2015 CP	01/10/2014 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.725.730	5.099.493
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.725.730	5.099.493
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	7.725.730	5.099.493
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	619.204	419.682
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	619.204	419.682
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.106.526	4.679.811
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	7.106.526	4.679.811
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.4 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND			VND	VND	
<b>01/10/2013</b>	<b>44.343.520.000</b>	<b>-</b>	<b>(10.606.955.435)</b>	<b>7.214.264.971</b>	<b>2.597.570.236</b>	<b>7.140.703.719</b>	<b>50.689.103.491</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tăng vốn trong năm	6.651.410.000	-	-	-	-	(6.651.410.000)	-	-	-	-
Giảm dự phòng đã hoàn nhập trong năm	-	-	-	-	-	(2.448.675.435)	-	-	-	(2.448.675.435)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	47.994.792.201	-	-	-	47.994.792.201
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.882.847.912	-	-	-	1.882.847.912
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(8.914.911.540)	-	-	-	(8.914.911.540)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	1.045.304.431	1.045.304.431	(4.181.217.724)	-	-	-	(2.090.608.862)
Cổ phiếu quỹ	-	-	(68.350.000)	-	-	68.350.000	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(928.703.539)	-	(304.788.604)	-	-	-	(1.233.492.143)
<b>30/09/2014</b>	<b>50.994.930.000</b>	<b>-</b>	<b>(10.675.305.435)</b>	<b>7.330.865.863</b>	<b>3.642.874.667</b>	<b>34.585.690.529</b>	<b>85.879.055.624</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>01/10/2014</b>	<b>50.994.930.000</b>	<b>-</b>	<b>(10.675.305.435)</b>	<b>7.330.865.863</b>	<b>3.642.874.667</b>	<b>34.585.690.529</b>	<b>85.879.055.624</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tăng vốn trong năm (*)	26.262.370.000	-	-	-	-	(25.752.430.000)	-	-	-	509.940.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	48.053.166.887	-	-	-	48.053.166.887
Chi cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(9.461.610.000)	-	-	-	(9.461.610.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	3.984.312.567	1.127.216.137	(12.625.715.753)	-	-	-	(7.514.187.049)
Cổ phiếu quỹ	-	-	69.130.000	-	-	-	-	-	-	418.205.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(510.000)	-	-	-	-	-	-	(510.000)
<b>30/09/2015</b>	<b>77.257.300.000</b>	<b>349.075.000</b>	<b>(10.606.685.435)</b>	<b>11.315.178.430</b>	<b>4.770.090.804</b>	<b>34.799.101.663</b>	<b>117.884.060.462</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tăng vốn trong năm bao gồm:

+ Phát hành hành cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/15/NQ-DHĐCĐ/IDV ngày 30/11/2014 của Công ty.

+ Phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 1704/15/NQ-HĐQT/IDV ngày 16/04/2015 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**21 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>63.706.304.553</b>	<b>66.094.359.522</b>
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.706.304.553	66.094.359.522
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>63.706.304.553</b>	<b>66.094.359.522</b>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	18.068.604.211	18.651.087.331
<b>Cộng</b>	<b>18.068.604.211</b>	<b>18.651.087.331</b>

**23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi phạt chậm thanh toán	11.628.786.508	10.411.684.956
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	2.768.734.429
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.019.875.000	1.778.515.000
Lãi hoạt động bán chứng khoán	43.420.000	632.465.042
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	-	9.061.454
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	116.559	-
<b>Cộng</b>	<b>12.692.198.067</b>	<b>15.600.460.881</b>

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lỗ hoạt động bán chứng khoán	50.143.068	1.537.602.501
Chi phí lãi vay	249.777.000	406.014.111
Phí bảo lãnh khoản vay	70.160.410	25.900.000
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	-	9.630.427
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	20.758
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn và dài hạn	-	(199.856.776)
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn và dài hạn	91.382.885	-
<b>Cộng</b>	<b>461.463.363</b>	<b>1.779.311.021</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**25 THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu tiền bồi thường theo Hợp đồng	202.006.112	1.085.833.332
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, trạm phát sóng, cắt tỉa cây cỏ	579.760.358	438.574.116
Bán đất cấp phối	154.728.000	-
Thu nhập từ tài sản được biếu tặng	712.857.562	-
Thu do thanh lý, nhượng bán tài sản	1.101.443.030	6.633.333
Lãi nộp chậm phí sử dụng và quản lý cơ sở hạ tầng	900.207.683	-
Thu nhập khác	1.606.386.399	133.798.773
<b>Cộng</b>	<b>5.257.389.144</b>	<b>1.664.839.554</b>

**26 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền phạt hợp đồng thuê nhà	-	8.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính thuế	-	281.445.862
Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, trạm phát sóng, cắt tỉa cây cỏ	211.932.385	218.096.892
Bán đất cấp phối	79.673.600	-
Chi phí do thanh lý, nhượng bán tài sản	1.069.613.208	6.633.333
Các khoản chi khác	538.341.272	-
<b>Cộng</b>	<b>1.899.560.465</b>	<b>514.176.087</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.046.995.445	52.193.689.119
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận không được ưu đãi (thuế suất 22%)</i>	<i>13.402.671.111</i>	<i>13.341.668.077</i>
<i>Lợi nhuận không được ưu đãi (thuế suất 25%)</i>	<i>-</i>	<i>141.593.310</i>
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>	<i>(1.019.991.559)</i>	<i>(1.489.048.380)</i>
- <i>Cộng: chi phí không đủ điều kiện khấu trừ</i>	<i>-</i>	<i>289.445.862</i>
- <i>Cộng: Lỗ CLTG chưa thực hiện</i>	<i>-</i>	<i>20.758</i>
- <i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(1.019.875.000)</i>	<i>(1.778.515.000)</i>
- <i>Trừ: Lãi CLTG</i>	<i>(116.559)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế không được ưu đãi (thuế suất 22%)	12.382.679.552	11.852.619.697
Thu nhập chịu thuế không được ưu đãi (thuế suất 25%)	-	141.593.310
<i>Lợi nhuận được ưu đãi (thuế suất 10% và giảm 50%)</i>	<i>39.644.324.334</i>	<i>38.710.427.732</i>
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>	<i>110.040.629</i>	<i>(85.021.200)</i>
- <i>Cộng: chi phí không đủ điều kiện khấu trừ</i>	<i>110.040.629</i>	<i>-</i>
- <i>Trừ: Doanh thu đã tính thuế năm trước</i>	<i>-</i>	<i>(85.021.200)</i>
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 10% và giảm 50%	39.754.364.963	38.625.406.532
Chuyển lỗ các kỳ trước	-	(1.455.207.613)
Thuế TNDN phải nộp	4.993.828.558	4.198.896.918
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.993.828.558</b>	<b>4.198.896.918</b>

**28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế (VND)	48.053.166.887	47.994.792.201
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các Cổ đông phổ thông (VND)	48.053.166.887	47.994.792.201
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	7.088.625	6.868.855
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu) (*)</b>	<b>6.779</b>	<b>6.987</b>

(\*) Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của năm 2014 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**  
 Khu Công nghiệp Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

**29 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Chi tiêu Năm 2015	Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc		Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam		Công ty TNHH MTV VPID Hà Nội		Bù trừ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	37.660.751.560	26.045.552.993	-	-	-	-	-	63.706.304.553
Doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu theo bộ phận</b>	<b>37.660.751.560</b>	<b>26.045.552.993</b>	-	-	-	-	-	<b>63.706.304.553</b>
<i>Chi phí theo bộ phận</i>								
Chi phí trực tiếp	12.432.343.399	6.274.065.105	368.547.719	-	-	-	-	19.074.956.223
<b>Kết quả hoạt động theo bộ phận</b>	<b>25.228.408.161</b>	<b>19.771.487.888</b>	<b>(368.547.719)</b>	-	-	-	-	<b>44.631.348.330</b>
Khấu hao trong năm	2.744.114.969	120.293.182	122.511.996	-	-	-	-	2.986.920.147
Phân bổ trong năm	271.487.208	3.751.381.642	163.127.271	-	-	-	-	4.185.996.121
<b>Khấu hao và phân bổ</b>	<b>3.015.602.177</b>	<b>3.871.674.824</b>	<b>285.639.267</b>	-	-	-	-	<b>7.172.916.268</b>
Thu nhập/(Chi phí) tài chính	42.680.084.756	(924.201.012)	1.800.388.960	(31.325.538.000)	-	-	-	12.230.734.704
Thu nhập/(Chi phí) khác	3.246.537.554	(90.714.830)	202.005.955	-	-	-	-	3.357.828.679
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>68.139.428.294</b>	<b>14.884.897.222</b>	<b>1.348.207.929</b>	-	-	-	-	<b>53.046.995.445</b>
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>								
<i>Tài sản</i>								
Tài sản ngắn hạn	246.442.236.917	107.207.466.061	20.283.869.662	(47.227.694.867)	-	-	-	326.705.877.773
Tài sản cố định	34.040.071.750	39.431.660.124	1.013.446.495	-	-	-	-	74.485.178.369
Bất động sản đầu tư	31.314.523.329	19.737.159.602	-	-	-	-	-	51.051.682.931
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	105.528.000.000	-	6.517.975.560	(63.000.000.000)	-	-	-	49.045.975.560
Tài sản dài hạn khác	2.502.447.661	193.526.761	14.890.999	-	-	-	-	2.710.865.421
<b>Tổng tài sản</b>	<b>419.827.279.657</b>	<b>166.569.812.548</b>	<b>27.830.182.716</b>	<b>(110.227.694.867)</b>	-	-	-	<b>503.999.580.054</b>
<i>Nợ phải trả</i>								
Nợ ngắn hạn	16.766.217.977	38.400.549.524	22.463.106	(36.621.519.432)	-	-	-	18.567.711.175
Nợ dài hạn	289.479.617.016	78.068.191.401	-	-	-	-	-	367.547.808.417
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>306.245.834.993</b>	<b>116.468.740.925</b>	<b>22.463.106</b>	<b>(36.621.519.432)</b>	-	-	-	<b>386.115.519.592</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**30 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12 - Công cụ tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ 30/09/2015 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/10/2014 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.854.241.538	16.607.350.089
Đầu tư ngắn hạn	189.404.672.436	149.360.078.321
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.720.602.097	21.534.298.871
Đầu tư dài hạn	24.745.975.560	11.117.975.560
Tài sản tài chính khác	2.176.000.000	1.580.000.000
<b>Cộng</b>	<b>252.901.491.631</b>	<b>200.199.702.841</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	3.598.000.000	5.242.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.491.082.407	7.491.149.777
<b>Cộng</b>	<b>11.089.082.407</b>	<b>12.733.149.777</b>

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**30 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ 30/09/2015 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/10/2014 VND</b>
Công nợ	-	-
Tài sản	2.735.373	2.876.287
- Đô la Mỹ (USD)	2.735.373	2.876.287

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**30 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>30/09/2015</b>			
Các khoản vay	1.644.000.000	1.954.000.000	3.598.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.491.082.407	-	7.491.082.407
<b>Cộng</b>	<b>9.135.082.407</b>	<b>1.954.000.000</b>	<b>11.089.082.407</b>
<b>01/10/2014</b>			
Các khoản vay	1.644.000.000	3.598.000.000	5.242.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.491.149.777	-	7.491.149.777
<b>Cộng</b>	<b>9.135.149.777</b>	<b>3.598.000.000</b>	<b>12.733.149.777</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**30 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>30/09/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.854.241.538	-	15.854.241.538
Đầu tư ngắn hạn	189.404.672.436	-	189.404.672.436
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.720.602.097	-	20.720.602.097
Đầu tư dài hạn	-	24.745.975.560	24.745.975.560
Tài sản tài chính khác	-	2.176.000.000	2.176.000.000
<b>Cộng</b>	<b>225.979.516.071</b>	<b>26.921.975.560</b>	<b>252.901.491.631</b>
<b>01/10/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.607.350.089	-	16.607.350.089
Đầu tư ngắn hạn	149.360.078.321	-	149.360.078.321
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.534.298.871	-	21.534.298.871
Đầu tư dài hạn	-	11.117.975.560	11.117.975.560
Tài sản tài chính khác	-	1.580.000.000	1.580.000.000
<b>Cộng</b>	<b>187.501.727.281</b>	<b>12.697.975.560</b>	<b>200.199.702.841</b>

**31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là các Công ty liên kết, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

**Số dư với bên liên quan**

	30/09/2015 VND	01/10/2014 VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Phú Thành	10.000.000.000	-
<b>Các khoản phải trả phải nộp khác</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Đô thị Vĩnh Phúc	5.587.605.741	-